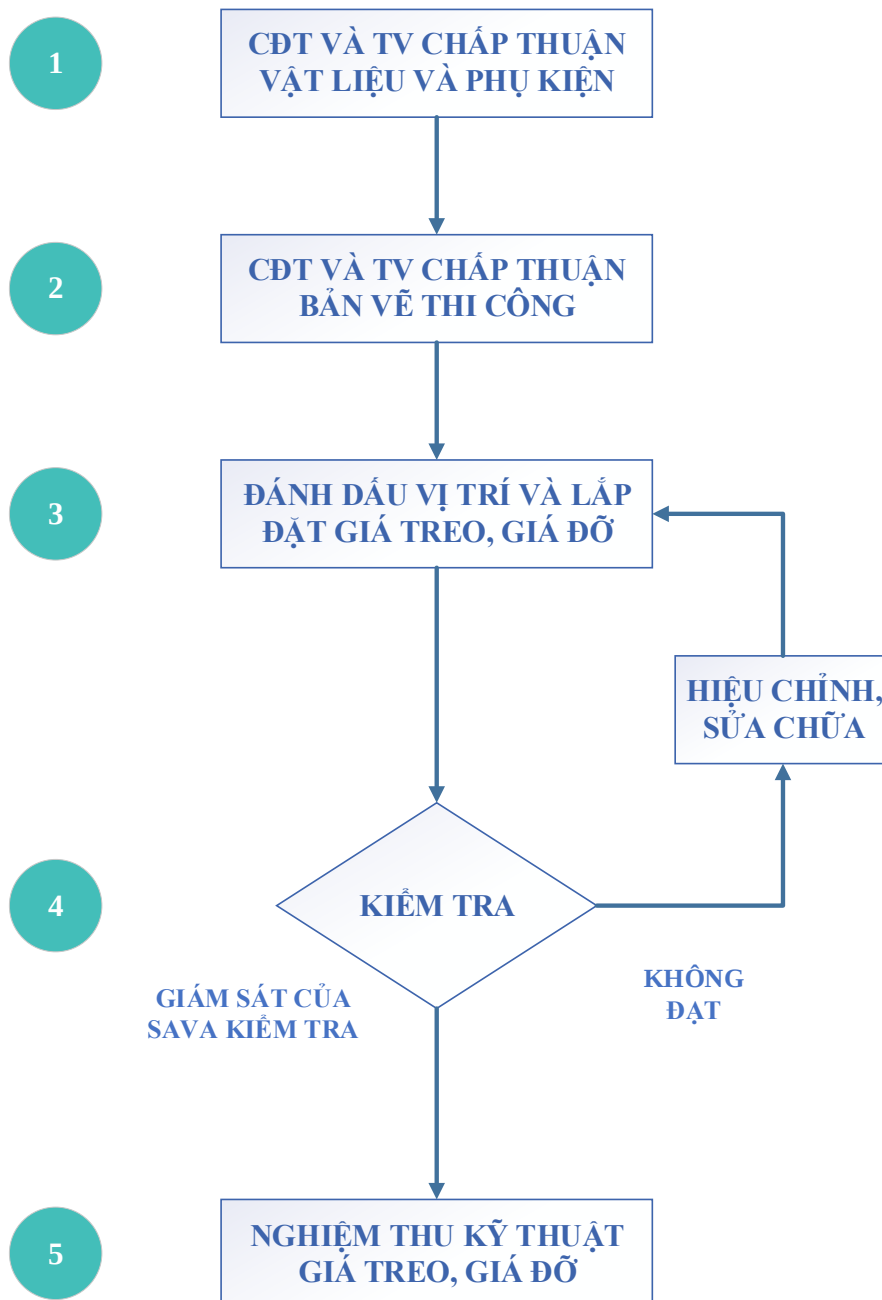


CÔNG TY CỔ PHẦN SAVA M.E 	HVAC – HƯỚNG DẪN	Ký hiệu: HVAC-01
	LẮP ĐẶT GIÁ ĐỖ ĐƯỜNG ỐNG	Lần sửa đổi: D Ngày hiệu lực: 01/01/2020

I. LƯU ĐỒ LẮP ĐẶT GIÁ ĐỖ



II. GIẢI THÍCH LƯU ĐỒ

1. Vật tư & phụ kiện được CĐT/TV phê duyệt:

- ✓ Vật tư: Ống gió, ống gió mềm, Ống đồng, ống nước, cách nhiệt,...
- ✓ Phụ kiện: Co, te, lơi...

2. Bản vẽ thi công được CĐT/TV phê duyệt:

- ✓ Bản vẽ shop drawing hệ thống cơ điện được CĐT/TV phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SAVA M.E 	HVAC – HƯỚNG DẪN	Ký hiệu: HVAC-01
	LẮP ĐẶT GIÁ ĐỖ ĐƯỜNG ỐNG	Lần sửa đổi: D Ngày hiệu lực: 01/01/2020

3. Định vị, lắp đặt giá treo, giá đỡ:

- ✓ Dựa vào bản vẽ shop drawing đánh dấu vị trí tuyến ống, trước khi lắp đặt giá treo, giá đỡ.

4. Kiểm tra:

Giám sát phối hợp với nhà thầu phụ/ đội thi công, kiểm tra:

- ✓ Đúng với bản vẽ shop drawing chưa?
- ✓ Giá treo, giá đỡ đúng kỹ thuật chưa?

5. Nghiệm thu:

- ✓ Mời CĐT/TV nghiệm thu giá đỡ trước khi lắp đặt ống.

III. HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT

1. Phạm vi áp dụng:

- ✓ Sử dụng cho tất cả các loại ống gió vuông kết nối theo phương pháp TDC, mặt bích, ống mềm các loại (cách nhiệt và không cách nhiệt).
- ✓ Sử dụng cho tất cả các đường ống đồng, ống nước ngưng, ống luồn dây điện,...

2. Các tiêu chuẩn tham khảo:

- ✓ Tiêu chuẩn về ống gió: SMACNA, DW 142, TCVN 232:1999, AS 4254.1 – 2002
- ✓ Tiêu chuẩn về ống đồng: TCVN 6104:1996, ASHRAE, Service Manual,
- ✓ Tiêu chuẩn ống nước: TCVN 4519-1998, TCVN 4474: 87
- ✓ Tiêu chuẩn hệ thống điện: AS 3000-2007, TCVN 7447-5-51:2010

3. Cách lắp đặt:

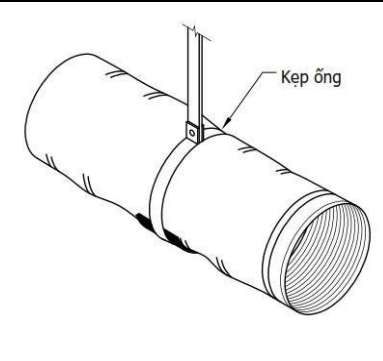
3.1. Chuẩn bị:

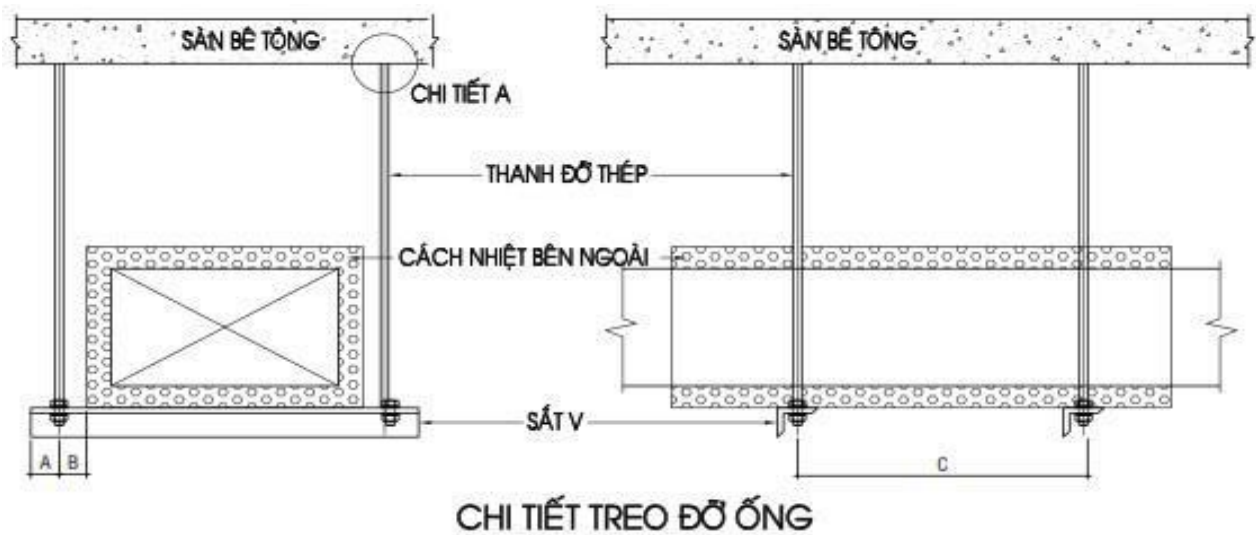
- ✓ Bản vẽ thi công đã được CĐT phê duyệt;
- ✓ Bản vẽ thi công định vị các tuyến ống;
- ✓ Vật tư, phụ kiện tuân thủ theo trình duyệt vật tư đã được phê duyệt;
- ✓ Các dụng cụ cần thiết để lắp đặt;
- ✓ Khoảng cách tối đa giữa các giá đỡ ống: tham khảo bảng khoảng cách giá đỡ ống;
- ✓ Khoan bê tông, lắp giá đỡ ống;
- ✓ Cân chỉnh độ cao của các giá đỡ ống theo bản vẽ thi công;
- ✓ Nghiệm thu kỹ thuật và thực hiện công việc tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SAVA M.E 	HVAC – HƯỚNG DẪN	Ký hiệu: HVAC-01
	LẮP ĐẶT GIÁ ĐỖ ĐƯỜNG ỐNG	Lần sửa đổi: D Ngày hiệu lực: 01/01/2020

3.2. Trình tự thực hiện:

		
1. Định vị tuyến ống, giá đỡ	2. Khoan bê tông	3. Lắp tắc kê đạn

		
4. Lắp thanh treo (thanh ren)	5.1. Lắp đặt giá ống mềm	5.2. Lắp đặt giá đỡ ống cứng



Ghi chú:

- ✓ Các kích thước A, B, C xem trên bản vẽ thi công và tiêu chí kỹ thuật của công trình;
- ✓ Thép U sử dụng U 100.

CÔNG TY CỔ PHẦN SAVA M.E 	HVAC – HƯỚNG DẪN	Ký hiệu: HVAC-01
	LẮP ĐẶT GIÁ ĐỠ ĐƯỜNG ỐNG	Lần sửa đổi: D Ngày hiệu lực: 01/01/2020

BẢNG A: KHOẢNG CÁCH GIÁ ĐỠ ỐNG GIÓ

STT	Cạnh lớn của ống gió L (mm)	Đường kính ty treo (mm)	Khoảng cách lớn nhất giá đỡ (mm)	Vật liệu giá đỡ	Độ dày Tole (mm)
1	$L < 401$	8	2500	V – 30x3	0.58
2	$401 < L < 601$	8	2500	V – 40x3	0.58
3	$601 < L < 1001$	8	2500	V – 40x3	0.75
4	$1001 < L < 1501$	10	2000	V – 40x3	0.95
5	$1501 < L < 2201$	10	2000	V – 50x4	0.95
6	$L > 2001$	12	1600	V – 70x5	1.15

BẢNG B: KHOẢNG CÁCH GIÁ ĐỠ ỐNG ĐỒNG

STT	Kích thước ống lớn (mm)	Đường kính ty treo (mm)	Khoảng cách giá đỡ (mm)	Độ dày ống hệ VRV (mm)	Độ dày cách nhiệt (mm)
1	Ø 6.4	8	1200	0.8	19
2	Ø 9.5	8	1200	0.8	19
3	Ø 12.7	8	1200	0.8	19
4	Ø 15.9	8	1200	0.8	19
5	Ø 19.1	8	1500	1.0	19
6	Ø 22.2	8	1500	1.0	19
7	Ø 28.6	8	2000	1.0	19
8	Ø 34.9	8	2000	1.2	25
9	Ø 41.3	8	2000	1.2	25
10	Ø 54.1	10	2400	1.4	25

BẢNG C: KHOẢNG CÁCH GIÁ ĐỠ ỐNG NƯỚC NGỪNG

STT	Kích thước ống (mm)	Đường kính ty treo (mm)	Khoảng cách giá đỡ (mm)	Độ dày ống (mm)	Độ dày cách nhiệt (mm)
1	Ø 21	8	1200	1.6	13
2	Ø 27	8	1200	1.8	13
3	Ø 34	8	1200	2.0	13
4	Ø 42	8	1500	2.1	13
5	Ø 49	8	1500	2.4	13
6	Ø 60	8	2000	2.8	13
7	Ø 90	8	2000	2.9	13
8	Ø 114	8	2500	3.2	13

CÔNG TY CỔ PHẦN SAVA M.E 	HVAC – HƯỚNG DẪN	Ký hiệu: HVAC-01
	LẮP ĐẶT GIÁ ĐỖ ĐƯỜNG ỐNG	Lần sửa đổi: D Ngày hiệu lực: 01/01/2020

BẢNG D: KHOẢNG CÁCH TỐI ĐA GIÁ ĐỖ ỐNG ĐIỆN

STT	Kích thước ống (mm)	Khoảng cách (mm)
1	20	1200
2	25	1200
3	32	1500
4	Khoảng cách hộp nối và kẹp ống	300